

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 124/QĐ-ĐVSG-ĐT ngày 05 tháng 04 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn)

Tên chương trình : Giáo dục Mầm non

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Ngành đào tạo : Giáo dục Mầm non Mã số: 51140201

Loại hình đào tạo : Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) đáp ứng được yêu cầu đổi mới của GDMN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các GVMN được đào tạo phải có đủ phẩm chất, năng lực và sức khỏe để đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN, có khả năng đáp ứng được sự phát triển của GDMN, có kỹ năng tự bồi dưỡng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức:

- Có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi của nhóm ngành đào tạo giáo viên và lĩnh vực giáo dục; có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc giảng dạy, giáo dục và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực giáo dục;

- Có kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình trong giảng dạy, giáo dục; thường xuyên bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn;

b) Về Kỹ năng:

GVMN trình độ cao đẳng cần có các kỹ năng cơ bản sau:

- Giao tiếp với trẻ; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển và học tập của trẻ;

- Quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ;

- Lập kế hoạch định hướng phát triển và giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của từng độ tuổi, từng cá nhân và điều kiện thực tế;

- Tổ chức, thực hiện kế hoạch giáo dục một cách khoa học (thiết kế các hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu, phương pháp giáo dục – dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ);

- Đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục;

- Quản lý nhóm, lớp;

- Hợp tác và giao tiếp với đồng nghiệp, gia đình và cộng đồng trong hoạt động giáo dục;

- Tuyên truyền khoa học giáo dục, vận động xã hội hóa GDMN;

- Theo dõi, xử lý kịp thời các thông tin về ngành học;

- Phân tích và đánh giá hiệu quả công việc của đồng nghiệp và bản thân.

c) Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề liên quan đến việc chăm sóc, giáo dục trẻ;

- Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non;

- Đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ.

1.3. Mục tiêu chuẩn đầu ra:

a) Về kiến thức:

- Hiểu biết về kiến thức giáo dục đại cương để vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn GDMN;

- Nắm vững hệ thống kiến thức khoa học GDMN ở trình độ cao đẳng để thực hiện tốt công tác chuyên môn;

- Hiểu biết đầy đủ về mục tiêu, nội dung chương trình GDMN, phương pháp tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục và sự phát triển của trẻ em ở các cơ sở GDMN;

- Áp dụng có hiệu quả kiến thức khoa học GDMN vào việc tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ các đối tượng khác nhau bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt ở tất cả các nhóm tuổi, các loại hình trường, lớp mầm non.

b) Về năng lực:

b.1. Năng lực chung

** Năng lực tự đánh giá và tự hoàn thiện:*

- Có khả năng tự đánh giá và tự học để hoàn thiện bản thân và chuyên môn nghề nghiệp;

- Có kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng;

- Có thể chủ động và linh hoạt thích ứng với sự thay đổi trong lý thuyết và thực tiễn giáo dục.

** Năng lực giao tiếp và hợp tác:*

- Có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ;

- Có khả năng ứng xử một cách thân thiện và tôn trọng sự khác biệt;

- Có kỹ năng giao tiếp ứng xử và truyền đạt hiệu quả các kiến thức, thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người học trong nhà trường;

- Có khả năng thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác tích cực với phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng.

** Năng lực tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề:*

- Có khả năng phân tích, đánh giá thông tin và ý tưởng;

- Có năng lực cần thiết giải quyết phần lớn các công việc phức tạp trong giảng dạy, giáo dục;

- Có khả năng phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế; đánh giá chất lượng và kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục và những nhiệm vụ được giao khác của các thành viên trong tổ, nhóm chuyên môn;

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả và sáng tạo.

** Năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin:*

- Có kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ đạt trình độ bậc 2 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có khả năng sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào giảng dạy, giáo dục và nghiên cứu khoa học; có khả năng nghiên cứu, thực hiện thành công đề tài, dự án và chuyển giao kết quả nghiên cứu trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; đăng tải được các kết quả nghiên cứu, xuất bản được nguồn học liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng;

- Có kiến thức và kỹ năng tin học đạt trình độ Tin học cơ bản.

b.2. Năng lực nghề nghiệp

** Năng lực nền tảng:*

- Nắm vững và có thể vận dụng linh hoạt kiến thức nền tảng về văn hóa - xã hội và các lĩnh vực khoa học có liên quan vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ;

- Nắm vững các đặc điểm tâm, sinh lý lứa tuổi của trẻ và có thể vận dụng một cách hiệu quả vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ;

- Có khả năng đánh giá quá trình học tập và sự phát triển của trẻ và sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả.

** Năng lực phát triển chương trình giáo dục:*

- Có khả năng hiểu và vận dụng các mô hình, chương trình giáo dục mầm non;
- Có khả năng phát triển chương trình giáo dục mầm non: xác định mục tiêu, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh việc thực hiện chương trình một cách linh hoạt, hiệu quả;
- Có khả năng đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ phù hợp.

** Năng lực chăm sóc trẻ:*

- Có khả năng đảm bảo vệ sinh môi trường lớp học;
- Có khả năng tổ chức các hoạt động vệ sinh và chăm sóc trẻ hàng ngày;
- Có khả năng giám sát an toàn thực phẩm và chế độ dinh dưỡng phù hợp với từng lứa tuổi;
- Có khả năng phòng tránh và chăm sóc ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp ở trẻ em.

** Năng lực giáo dục trẻ:*

- Có khả năng thiết lập môi trường giáo dục (môi trường vật chất và môi trường xã hội) phù hợp, thúc đẩy sự phát triển của trẻ;
- Có khả năng khuyến khích trẻ tích cực hoạt động và học hỏi;
- Có khả năng lựa chọn nội dung và áp dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức giáo dục phù hợp với sự phát triển, nhu cầu và hứng thú của trẻ;
- Có khả năng quản lý nhóm, lớp hiệu quả.

** Năng lực nâng cao:*

- Có khả năng kết hợp, tư vấn cho phụ huynh và cộng đồng về chăm sóc và giáo dục trẻ;
- Bước đầu có thể vận dụng kiến thức lý luận vào thực hiện công tác chăm sóc trẻ mầm non.

c) Về phẩm chất:

c.1. Phẩm chất chính trị:

+ Có tinh thần yêu nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng; nghiêm túc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trách nhiệm đối với sự nghiệp giáo dục và ý thức trách nhiệm công dân đối với các vấn đề xã hội, tích cực tham gia phát triển cộng đồng;

+ Có trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; có năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu và học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

c.2. Phẩm chất nghề nghiệp:

+ Có phẩm chất đạo đức tốt; có tác phong su phạm chuẩn mực, trung thực trong nghề nghiệp và cuộc sống; có lối sống lành mạnh, văn minh, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, chuẩn mực trong quan hệ với đồng nghiệp và người học;

+ Yêu nghề, say mê, tận tụy với công việc. Yêu trẻ, tôn trọng và có tinh thần trách nhiệm cao với trẻ;

+ Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho trẻ;

+ Có văn hóa giao tiếp. Đoàn kết, khiêm tốn học hỏi, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp trong chuyên môn. Quan hệ tốt với cha mẹ trẻ và cộng đồng, có ý thức vận động cộng đồng và cha mẹ trẻ tham gia xây dựng nhà trường, giáo dục trẻ, thực hiện xã hội hóa giáo dục;

+ Có khả năng tiếp tục học lên các chương trình đào tạo cao hơn hoặc có thể tuyển chọn, bồi dưỡng vào các vị trí quản lý;

+ Có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thích ứng nhanh những điều biến đổi của xã hội và của ngành GDMN.

1.4. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao

a) Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên mầm non ở các cơ sở giáo dục mầm non dành cho trẻ từ 06 tháng đến 6 tuổi.

- Tư vấn chăm sóc cho trẻ từ 0-6 tuổi;

b) Khả năng học tập nâng cao

- Có khả năng học tập nâng cao trình độ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Thời gian đào tạo: 3 năm.

Khối lượng kiến thức toàn khóa gồm 105 tín chỉ (TC), chưa kể phần kiến thức về Giáo dục thể chất (90 tiết) và Giáo dục quốc phòng (135 tiết).

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		TS	LT	TH
1	Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – an ninh)	31	28	3
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu:	64	36	28
	Kiến thức cơ sở ngành	16	9	7
	Kiến thức ngành và chuyên ngành	48	27	21
3	Thực tập nghề nghiệp,	5	0	5
4	Khoá luận tốt nghiệp (các môn thay thế khóa luận)	5	0	5
Tổng cộng		105	64	41

4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh của chương trình này bao gồm học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông, Trung học Bỏ túc. Tùy theo tình hình thực tế, trường có thể tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển theo quy chế tự chủ tuyển sinh.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo: Áp dụng quy chế đào tạo theo Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tính đến thời điểm xét tốt nghiệp.
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo đúng quy định của quy chế đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định.
- Hoàn thành học phần Giáo dục Quốc phòng – an ninh và Giáo dục thể chất.
- Có đơn gửi phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

6. Cách thức đánh giá: Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần xếp theo khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Phân bố tín chỉ		Mã HPTQ
				LT	T H	
7.1. Kiến thức giáo dục đại cương			31	28	3	
Các môn bắt buộc			27	24	3	
1	021101	Những nguyên lý CN Mác – Lênin 1	2	2	0	
2	021102	Những nguyên lý CN Mác – Lênin 2	3	3	0	
3	021103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
4	021104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	3	0	
5	021105	Tiếng Anh căn bản học phần 1	3	2	1	
6	021106	Tiếng Anh căn bản học phần 2	3	2	1	

7	021107	Ứng dụng Công nghệ Thông tin trong dạy học Mầm non	3	2	1	
8	021108	Pháp luật đại cương	2	2	0	
9	021109	Tâm lý học đại cương	2	2	0	
10	021110	Giáo dục học đại cương	2	2	0	
11	021111	Tiếng Việt thực hành	2	2	0	
12	021112	* Giáo dục thể chất	90 tiết			
13	021113	* Giáo dục Quốc phòng – An ninh	135 tiết			
Các môn tự chọn: Chọn 2 môn			4	4	0	
14	021114	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	
15	021115	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành	2	2	0	
16	021116	Giáo dục dân số và môi trường	2	2	0	
7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			64	36	28	
7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành			16	9	7	
17	021117	Tâm lý học mầm non	3	2	1	
18	021118	Giáo dục học mầm non	3	2	1	
19	021119	Sinh lý học mầm non	2	1	1	
20	021120	Mỹ thuật	2	1	1	
21	021121	Âm nhạc	2	1	1	
22	021122	Văn học thiếu nhi	2	1	1	
23	021123	Phương pháp NCKH giáo dục	2	1	1	
7.2.2. Kiến thức chuyên ngành			48	27	21	
Các môn bắt buộc			44	25	19	
24	021124	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	2	1	1	
25	021125	Làm đồ chơi	2	1	1	
26	021126	Múa và biên đạo múa	2	1	1	
27	021127	Giao tiếp sư phạm	2	2	0	
28	021128	Nghề giáo viên mầm non	2	1	1	
29	021129	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	1	1	
30	021130	Vệ sinh và Dinh dưỡng trẻ em	2	1	1	
31	021131	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	1	1	
32	021132	Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	2	1	1	
33	021133	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2	1	1	
34	021134	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán	3	2	1	
35	021135	Phương pháp khám phá khoa học và môi trường xung quanh	3	2	1	
36	021136	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3	2	1	

37	021137	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	2	1	
38	021138	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	3	2	1	
39	021139	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	2	1	
40	021140	Tiếng Anh chuyên ngành	3	2	1	
41	021141	Kiến tập sư phạm	3	0	3	
Các môn tự chọn (chọn 2 trong 3 học phần)			4	2	2	
42	021142	Giáo dục Dinh dưỡng cộng đồng	2	1	1	
43	021143	Giáo dục gia đình	2	1	1	
44	021144	Giáo dục hòa nhập	2	1	1	
7.3. Thực tập nghề nghiệp			5	0	5	
45	021145	Thực tập nghề nghiệp	5	0	5	
7.4. Khóa luận tốt nghiệp			5	0	5	
46	021146	Khóa luận tốt nghiệp	5	0	5	
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			5	5	0	
47	021147	Phương pháp đọc và kể diễn cảm	3	3	0	
48	021148	Quản lý giáo dục mầm non	2	2	0	
Tổng cộng			105	64	41	

(*) Chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh

8. Kế hoạch đào tạo (dự kiến)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tự chọn	Học phần học trước	Ghi chú
Học kỳ I	021101	Những nguyên lý CN Mác – Lênin 1	2		Không	
	021107	Tin học	3		Không	
	021109	Tâm lý học đại cương	2		Không	
	021120	Sinh lý học mầm non	2		Không	
	021108	Pháp luật đại cương	2		Không	
	021105	Tiếng Anh căn bản học phần 1	3		Không	
	021114/ 021115/ 021116	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành/ Giáo dục dân số và môi trường	2	x	Không	
	021113	* Giáo dục thể chất	90 tiết		Không	
	Tổng cộng số TC			16		
Học kỳ II						
H 0	021102	Những nguyên lý CN Mác –	3		021101	

		Lênin 2				
	021106	Tiếng Anh căn bản học phần 2	3		021105	
	021120	Mỹ thuật	2		Không	
	021130	Vệ sinh và Dinh dưỡng trẻ em	2		021120	
	021117	Tâm lý học mầm non	3		021109	
	021110	Giáo dục học đại cương	2		021117	
	021128	Nghề giáo viên mầm non	2		Không	
	021111	Tiếng Việt thực hành	2		Không	
	021113	* Giáo dục Quốc phòng – An ninh	135 tiết		Không	
	Tổng cộng số TC		19			
Học kỳ 3	021103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		021101 021102	
	021140	Tiếng Anh chuyên ngành	3		021106	
	021121	Âm nhạc	2		Không	
	021118	Giáo dục học mầm non	3		021117	
	021125	Làm đồ chơi	2		021122	
	021138	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	3		021117 021118	
	021122	Văn học thiếu nhi	2		021111	
	021114/ 021115/ 021116	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành/ Giáo dục dân số và môi trường	2	x	Không	
	Tổng cộng số TC		19			
Học kỳ 4	021104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		021103	
	021142/ 021143/ 021144	Giáo dục Dinh dưỡng cộng đồng/Giao tiếp sư phạm/ Giáo dục Hòa nhập	2	x	Không	
	021126	Múa và biên đạo múa	2		021121	
	021127	Giao tiếp sư phạm	2		021109	
	021131	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2		021130	
	021139	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3		021117 021118	
	021141	Kiến tập sư phạm	3		021118	
	Tổng cộng số TC		17			
Học kỳ 5	021135	Phương pháp khám phá khoa học và môi trường xung quanh	3		021117 021118	
	021136	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	3		021121 021126	
	021137	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3		021120 021125	
	021133	Phương pháp phát triển ngôn	2		021111	

		ngữ			021123	
	021134	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán	3		021118	
	021132	Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	2		021123	
	021142/ 021143/ 021144	Giáo dục Dinh dưỡng cộng đồng/Giao tiếp sư phạm/ Giáo dục Hòa nhập	2	x	Không	
	Tổng cộng số TC		18			
Học kỳ 6	021123	Phương pháp NCKH giáo dục	2		021109 021110 021117 021118	
	021124	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	2		Các môn phương pháp	
	021129	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2		Các môn phương pháp 021124	
	021145	Thực tập nghề nghiệp	5		Hoàn thành chương trình học	
	Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức sau: - Khóa luận tốt nghiệp - Học 3 học phần thay thế					
	021146/ 021147/ 021148	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn học thay thế (Phương pháp đọc và kể diễn cảm/Quản lý Giáo dục Mầm non	5		021150	
	Tổng cộng số TC		16			

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

9.1. Đối với Khoa chuyên môn

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ các giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính Logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần.

9.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi chuyên đề chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

9.3. Kiểm tra, đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau: Điểm TBC bộ phận: trọng số 0,4; Điểm Thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

*** Cách tính điểm TBC bộ phận:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm thái độ: Trọng số 0,3

(2). Điểm kiểm tra thường xuyên + định kỳ: Trọng số 0,7

=> Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = (Điểm thái độ x 0,3) + (Điểm kiểm tra x 0,7)

*** Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

*** Cách tính điểm TBC môn học:**

Điểm TBC Môn học = Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) + Điểm thi kết thúc học phần (Trọng số 0,6)

9.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

HIỆU TRƯỞNG